

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST.

Ngày: 16-9-2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tạ và ông Nguyễn Tư.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Xuân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện R, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trần N – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972, văn bản ủy quyền ngày 10-8-2020.

Địa chỉ: C P, phường P, thành phố G, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Ông Trần Hữu H, sinh năm 1957 và bà Cao Thị L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Bon O, xã Q, huyện R, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị L và ông Trần Hữu H: Ông Võ Đức Duy H, sinh năm 1976, văn bản ủy quyền ngày 19-7-2021.

Địa chỉ: N đường B, Phường K, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1980 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T.

Địa chỉ: Khu phố C, phường T, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Ngọc T: Ông Võ Đức Duy

H, sinh năm 1976, văn bản ủy quyền ngày 05-01-2022.

Địa chỉ: N đường B, Phường K, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện R, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH H có ngành nghề kinh doanh mua bán cà phê, nông sản. Trong các năm 2013 đến 2015, Công ty mua bán cà phê với ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L. Việc mua bán diễn ra trong thời gian dài, liên tục. Đến ngày 30-3-2015, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ cho nhiều đơn hàng, theo đó ông H, bà L còn nợ Công ty TNHH H số tiền 1.693.000.000 đồng. Ông H, bà L hẹn sau 01 tuần sẽ thanh toán (thỏa thuận miệng, không ghi vào văn bản). Đến hạn, giám đốc công ty là ông Nguyễn Trần N và một số nhân viên đã trực tiếp đến nhà, yêu cầu ông H, bà L trả nợ nhiều lần nhưng ông H, bà L trả lời chưa có tiền nên chưa trả được.

Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 0,8%/tháng, không ghi vào biên nhận nợ do mua bán, giao dịch không thể hiện bằng hợp đồng mà qua điện thoại.

Trong năm 2015, Công ty đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, đã nộp biên nhận nợ bản gốc và các hóa đơn, chứng từ trong hồ sơ tại Tòa án. Sau đó Công ty rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp đình chỉ giải quyết vụ án nhưng chưa nhận lại biên nhận nợ bản gốc, các hóa đơn, chứng từ. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp thu thập hồ sơ lưu để có bản gốc giấy nhận nợ làm chứng cứ giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án trước đây, ông H, bà L thừa nhận nợ nhưng trình bày chưa có khả năng thanh toán. Vì vậy, đề nghị thu thập các biên bản lấy lời khai, bản tự khai của ông H, bà L để làm căn cứ giải quyết.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H, bà L trả nợ theo biên nhận nợ ngày 30-3-2015 cho Công ty TNHH H số tiền 1.693.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 30-3-2015 theo mức lãi suất 0,8%/tháng cho đến khi trả xong.

Bị đơn ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L trình bày:

Từ năm 2005, chúng tôi (Cao Thị L và Trần Hữu H) đại diện theo ủy quyền của DNTN T trực tiếp thu mua cà phê, nông sản của các cơ sở thu mua và bán lại cho các đối tác của doanh nghiệp, trong đó Công ty TNHH H là một trong các nhà cung cấp cho DNTN T. Quá trình kinh doanh, khi Công ty TNHH H có hàng hóa muốn bán thì thông báo cho DNTN T về chủng loại, số lượng hàng hóa; Công ty TNHH H xuất hóa đơn hàng hóa đó cho DNTN T. Sau khi nhận hóa đơn GTGT của Công ty TNHH H, DNTN T sẽ xuất hóa đơn GTGT cho khách hàng và nhờ Công ty TNHH H chở hàng đến kho khách hàng của DNTN T. Chúng tôi (H – L) chỉ là người đại diện cho DNTN T trong hoạt động mua bán. Trong suốt các mùa vụ 2013-2015, Công ty TNHH H vẫn là nhà cung cấp hàng hóa cho DNTN T theo hình thức nêu trên.

Đầu tháng 3 năm 2015, khách hàng của DNTN T là Công ty Cổ phần D có biểu hiện chậm thanh toán cho DNTN T. T cũng đã dùng cung cấp hàng hóa cho Công ty D để chốt công nợ và thanh lý các hợp đồng đang thực hiện thì Công ty TNHH H lại tự ý giao hàng đến kho hàng của Công ty D dưới danh nghĩa của DNTN T mà không thông báo cho ông H, bà L biết, cũng như không cung cấp phiếu cân xe, chủng loại hàng hóa, hóa đơn giá trị gia tăng cho DNTN T theo quy định trong thương mại. Sau khi giao hàng hóa dưới danh nghĩa DNTN T cho Công ty D, Công ty TNHH H mới thông báo cho bà L biết bằng điện thoại mà không cung cấp các hóa đơn chứng từ cần thiết để xác nhận số lượng, chủng loại hàng hóa.

Ngày 22-3-2015, DNTN T sau quá trình làm việc với Công ty D, nhận thấy không thể thu hồi được công nợ của mình nên đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố Hà Nội, yêu cầu Công ty D có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa cho DNTN T.

Ngày 30-3-2015, trong lúc chúng tôi (H – L) đang bị bệnh do bị chấn động về mặt tâm lý do phần công nợ đang phát sinh tranh chấp, nảy sinh những suy nghĩ và có những cảm xúc tiêu cực, không nhận thức đầy đủ hành vi của mình thì người đại diện Công ty TNHH H là ông Q và anh L đến và yêu cầu chúng tôi ghi giấy nhận nợ. Tại thời điểm đó, do có nhiều yếu tố bất lợi và dưới sự thúc ép của ông Q và anh L nên chúng tôi không đủ tỉnh táo để so sánh, đối chiếu công nợ giữa DNTN T và Công ty TNHH H nên ông H đã viết theo nội dung do ông Q đọc. Tôi (L) ký tên vào giấy nhận nợ.

Bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện do đây không phải nợ riêng. Việc tự ý giao hàng đến kho Công ty D mà không thông báo với DNTN T dẫn đến giá trị hàng hóa chưa thu hồi được là do lỗi của Công ty TNHH H.

Đề nghị Tòa án hủy giấy nhận nợ (H – L) ký nhận nợ với Công ty TNHH H số tiền 1.693.000.000 đồng ngày 30-3-2015, vì nội dung giấy nhận nợ được lập vào lúc bị đơn đang bị chấn động về tinh thần do Công ty D ngừng thanh toán công nợ cho DNTN T và giấy biên nhận nợ được lập theo ý chí chủ quan của đại diện Công ty TNHH H mà chưa được DNTN T đối chiếu công nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc T – Chủ DNTN T trình bày:

Từ năm 2005, Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) T ủy quyền cho bà Cao Thị L và ông Trần Hữu H làm đại diện trực tiếp thu mua cà phê, nông sản của các cơ sở thu mua và bán lại cho các đối tác của doanh nghiệp. Công ty TNHH H là một trong các nhà cung cấp nông sản cho DNTN T. Quá trình kinh doanh, khi có được hàng hóa mà Công ty TNHH H muốn bán cho DNTN T thì Công ty TNHH H sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho số loại hàng hóa đó và chuyển hóa đơn giá trị gia tăng đến trụ sở của DNTN T. Sau khi nhận hóa đơn, DNTN T sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng và nhờ Công ty H vận chuyển thuê đến kho khách hàng của DNTN T hoặc Công ty H sẽ chuyển hàng đến kho do DNTN T chỉ định. Ông H, bà L chỉ là người đại diện

cho DNTN T trong hoạt động mua bán. Trong suốt mùa vụ 2013-2015 Công ty H vẫn là nhà cung cấp hàng hóa cho DNTN T theo hình thức trên.

Đầu tháng 3-2015, khách hàng của DNTN T là Công ty Cổ phần D có biểu hiện chậm thanh toán, DNTN T cũng đã dừng cung cấp hàng hóa cho Công ty D để chốt công nợ và thanh lý các hợp đồng đang thực hiện, thì Công ty H lại tự ý giao hàng đến kho của Công ty D dưới danh nghĩa của DNTN T mà không thông báo cho ông H, bà L biết, cũng không cung cấp phiếu cân xe, chủng loại hàng hóa, hóa đơn giá trị gia tăng cho DNTN T theo tập quán thương mại của 02 doanh nghiệp. Sau khi giao hàng hóa dưới danh nghĩa DNTN T cho Công ty D, Công ty H mới thông báo cho bà L biết bằng điện thoại mà không cung cấp các hóa đơn chứng từ cần thiết để xác nhận số lượng, chủng loại hàng hóa.

Ngày 22-3-2015, trong lúc DNTN T tiến hành các thủ tục cần thiết để khởi kiện Công ty D, thì đại diện Công ty H là ông Q và anh L đã đến nhà ông H, bà L buộc xác nhận nợ trong thời điểm ông H, bà L khủng hoảng tâm lý do phần công nợ đang phát sinh tranh chấp, nảy sinh những suy nghĩ và có những cảm xúc tiêu cực, không nhận thức đầy đủ hành vi của mình. Tại thời điểm đó, do có nhiều yếu tố bất lợi và dưới sự thúc ép của ông Q và anh L nên ông H và bà L đã ký nhận mà không đối chiếu công nợ giữa DNTN T và Công ty H nên ông H đã ghi theo nội dung do ông Q đọc. Sau đó bà L và ông H ký tên vào giấy nhận nợ nhưng Công ty H cũng không cung cấp được các chứng cứ thể hiện việc DNTN T đặt hàng và chỉ định giao hàng đến kho Công ty D. Người có QLNVLQ đề nghị:

- Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H về việc buộc bà L, ông H thanh toán nợ mua bán cả phê số tiền 1.693.000.000 đồng và lãi suất tạm tính là 880.000.000 đồng vì các lý do: Tiền nợ 1.693.000.000 đồng phát sinh do việc Công ty H tự ý giao hàng hóa đến kho Công ty D mà không thông báo với DNTN T, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngay khi giao hàng cho DNTN T dẫn đến việc hàng hóa bị Công ty D chiếm dụng, giá trị hàng hóa chưa thu hồi được là do lỗi của Công ty H gây ra.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp tuyên hủy biên nhận nợ của bà Cao Thị L và ông Trần Hữu H ghi và ký xác nhận đã nợ Công ty H số tiền 1.693.000.000 đồng vào ngày 30-3-2015. Vì nội dung giấy biên nhận nợ trên được lập trong lúc ông H, bà L đang bị chấn động về tinh thần do Công ty D ngừng thanh toán công nợ cho DNTN T. Quan trọng hơn là Giấy biên nhận nợ được lập theo ý chí chủ quan của đại diện Công ty H mà chưa được DNTN T đối chiếu công nợ và Công ty H không thể cung cấp được các chứng cứ thể hiện việc DNTN T đặt hàng và chỉ định giao hàng đến kho Công ty D.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L nhiều lần thừa nhận nợ đã chốt với Công ty TNHH H vào ngày 30-3-2015. Trước đây, trong vụ án Công ty TNHH H khởi kiện DNTN T yêu cầu trả số tiền 1.693.000.000 đồng, do Công ty H không cung cấp được giấy ủy quyền của

DNTN T cho ông H, bà L được đứng ra giao dịch nên đã rút đơn khởi kiện đối với DTNT T và khởi kiện lại đối với cá nhân ông H, bà L. Nay đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L trả cho Công ty Hoàng Đăng tiền nợ gốc là 1.693.000.000 đồng. Số tiền này, ông H, bà L đã đối chiếu công nợ, ông H là người viết biên nhận nợ; ông H, bà L cùng ký tên. Không có sự việc ép ký hay không được đối chiếu như phía bị đơn trình bày. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc bị đơn trả 1.212.639.464 đồng lãi suất.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Số tiền nợ 1.693.000.000 đồng không phải là nợ lũy kế từ năm 2013-2015 mà là nợ của 02 xe hàng Công ty H giao cho Công ty D, việc giao hàng không đúng thời điểm, gây tổn thất không thu hồi được cho DNTN T. Lẽ ra Công ty H phải yêu cầu bà Thúy, là chủ DNTN T ký nhận nợ nhưng lại yêu cầu ông H, bà L ký nhận nợ. Do bản án của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội đã tuyên buộc Công ty D trả nợ cho DNTN T, trong đó bao gồm số tiền 1.693.000.000 đồng mà ông H, bà L ký nhận nợ với Công ty H nên bà Cao Thị L đồng ý trả số tiền 1.693.000.000 đồng với điều kiện Công ty H chỉ buộc bà L trả nợ, không buộc ông H cùng trả nợ do ông H, bà L không phải là vợ chồng và ông H không biết gì về việc kinh doanh mua bán.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Số tiền nợ 1.693.000.000 đồng là nợ riêng của bà Cao Thị L.

Người làm chứng ông Nguyễn Tiến Q trình bày: Ngày 30-3-2015, ông cùng con trai (L) đến nhà ông H, bà L để đối chiếu công nợ. Không có việc ông và con ép ông H, bà L viết, ký biên nhận nợ và ông H, bà L đã đối chiếu công nợ trước khi viết, ký tên.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 440, 155, 429 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L trả 1.693.000.000 đồng nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn, yêu cầu ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L trả số tiền 1.693.000.000 đồng và lãi suất chậm trả phát sinh từ hợp đồng mua bán cà phê, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*

hàng hóa” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bị đơn có địa chỉ tại bon O, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty TNHH H, có địa chỉ trụ sở tại Thôn V, xã N, huyện R, tỉnh Đắk Nông, được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400289066 lần đầu ngày 19-7-2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 03-01-2018; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trần N; ngành, nghề kinh doanh có mục bán buôn hàng nông sản (tiêu, điều, bắp, cà phê, sắn, mì, khoai).

Doanh nghiệp tư nhân T được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400202731, đăng ký lần đầu ngày 25-11-2010; có địa chỉ trụ sở tại Thôn 5, xã Quảng Tín, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông; chủ doanh nghiệp: Bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Giữa Công ty TNHH H và bà Cao Thị L, ông Trần Hữu H có phát sinh quan hệ mua bán cà phê nhiều lần trong năm 2014 và năm 2015 nhưng không lập hợp đồng, thỏa thuận bằng văn bản. Bà L, ông H và chị Thúy – Chủ DNTN T đều thừa nhận ông H và bà L được DNTN T ủy quyền đại diện giao dịch với Công ty TNHH H trong hoạt động mua bán, nhưng không cung cấp giấy ủy quyền hoặc ủy quyền được đối chiếu công nợ, ký nhận nợ.

Ngày 30-3-2015, ông Trần Hữu H viết Biên nhận nợ, ông H và bà Cao Thị L cùng ký Biên nhận nợ có nội dung: “Tôi tên: Trần Hữu H, 59 tuổi cùng vợ tôi tên Cao Thị L, ngụ tại Thôn N, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Qua quá trình mua bán cà phê thời vụ 2014-2015, đã đối chiếu công nợ. Hiện nay vợ chồng tôi còn nợ lại Công ty H số tiền là 1.693.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn). Đối với số tiền nợ trên, vợ chồng tôi đồng ý thừa nhận, và cam kết trả nợ”.

Kèm theo Biên nhận nợ, nguyên đơn đã nộp bảng kê công nợ phát sinh từ ngày 26-9-2014 đến 30-3-2015; theo đó tổng số tiền nợ là 1.693.288.500 đồng.

Ngày 16-02-2016, Công ty TNHH H đã khởi kiện Doanh nghiệp tư nhân T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp thụ lý số 05/2016/TB-TLVA ngày 04-3-2016. Nguyên đơn, Công ty TNHH H yêu cầu DNTN T trả số nợ 1.693.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa giữa 02 doanh nghiệp. Quá trình giải quyết, ông Trần Hữu H, bà Cao Thị L trình bày có viết giấy nhận nợ ngày 30-3-2015, thừa nhận đây là nợ cá nhân, không có hợp đồng mua bán, nợ phát sinh trong quá trình làm ăn với Công ty TNHH H vào năm 2014-2015 và đề nghị được trả dần. Việc mua bán giữa ông H, bà L với Công ty TNHH H là tư cách cá nhân, không phải với tư cách của DNTN T. Ngày 21-4-2016, DTNT T có văn bản gửi Tòa án nhân

dân huyện Đăk R'Lấp, không thừa nhận khoản nợ 1.693.000.000 đồng đối với Công ty TNHH H, lý do DNTN T không ký, đóng dấu vào giấy nhận nợ và việc khởi kiện của Công ty TNHH H là sai chủ thể. Giấy nhận nợ ngày 30-3-2015 là giấy nhận nợ của ông H, bà L. Ngày 15-11-2018 TAND huyện Đăk R'Lấp ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2018/QĐST-DS do nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ngày 19-10-2020 Công ty TNHH H khởi kiện ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà L trả số tiền nợ 1.693.000.000 đồng và lãi suất.

Đối với vụ án thụ lý số 161/2020/TLST-DS này, ông H, bà L và chị Nguyễn Thị Ngọc T thay đổi lời khai so với lời khai trong vụ án trước. Ban đầu ông H, bà L trình bày số nợ 1.693.000.000 đồng là nợ cá nhân, thừa nhận có viết, ký nhận nợ nhưng do không có khả năng trả nợ nên khi nào Công ty D trả nợ thì mới có tiền trả; sau trình bày việc nhận nợ là do tinh thần bị ảnh hưởng và đề nghị hủy biên nhận nợ do chưa được đối chiếu công nợ và việc nhận nợ là do hoảng loạn về tinh thần. HĐXX xét thấy, giấy nhận nợ ngày 30-3-2015 là do ông Cao Hữu Hải viết, ông H và Lý cùng ký tên và nhiều lần thừa nhận đây là nợ cá nhân giữa ông bà với Công ty TNHH H trong quá trình làm ăn vào năm 2014-2015; khớp với bảng kê công nợ do Công ty H cung cấp, có căn cứ để xác định ông H, bà L đã được đối chiếu công nợ trước khi viết và ký biên nhận nợ. Ông bà trình bày viết giấy nhận nợ trong tình trạng khủng hoảng về tinh thần nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có bị hạn chế, mất năng lực hành vi dân sự hay bị ép buộc khi ký. Sau khi nhận nợ, ông H, bà L không có bất kỳ đơn từ nào khiếu nại hoặc yêu cầu Công ty H cho đối chiếu lại công nợ với lý do ảnh hưởng tâm lý hoặc khoản nợ đã đối chiếu không đúng.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Vì vậy, việc ông H, bà L và chị T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân T phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bị khủng hoảng về tâm lý, hạn chế, mất năng lực hành vi hay chưa được đối chiếu công nợ là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 428, Điều 290 của Bộ luật Dân sự 2005, ông H là người viết giấy nhận nợ, ông H và bà L cùng ký tên thừa nhận đã đối chiếu công nợ, nợ Công ty H số tiền 1.693.000.000 đồng. Ông H, bà L đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi thực hiện giao dịch. Vì vậy, Biên nhận nợ ngày 30-3-2015 được lập là hợp pháp, sau khi lập biên nhận nợ chưa có tài liệu nào thay thế và đã phát sinh hiệu lực thực hiện giữa hai bên nên cần buộc ông H, bà L phải trả cho Công ty TNHH H 1.693.000.000 đồng nợ gốc.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về việc buộc bị đơn trả 1.212.639.466 đồng lãi suất chậm trả trên số tiền nợ hàng hóa 1.693.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không

trái pháp luật và đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc buộc bị đơn trả lãi suất.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo biên bản lấy lời khai ngày 09-7-2021, bà Cao Thị L yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với tiền lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hàng hóa. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu của nguyên đơn thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Đối với Công ty Cổ phần D: Do Công ty cổ phần D không có nghĩa vụ hay quyền lợi gì trong vụ án này; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày nợ giữa Công ty Cổ phần D và DNTN T đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó đã bao gồm tiền hàng hóa mà Công ty TNHH H chuyển đến Công ty cổ phần DTK cho DNTN T. Các đương sự không yêu cầu Tòa án đưa Công ty cổ phần DTK vào tham gia tố tụng và Tòa án xét thấy không cần thiết nên không đưa Công ty cổ phần D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 290, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H.

Buộc ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L trả cho Công ty TNHH H 1.693.000.000 đồng nợ gốc phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, cụ thể là cà phê theo Biên nhận nợ ngày 30-3-2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn

yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H về việc buộc ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L trả 1.212.639.466 đồng lãi suất.

3. Về án phí:

Ông Trần Hữu H và bà Cao Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Hoàn trả cho Công ty TNHH H 41.730.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002836 ngày 15-10-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà